CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn BGI

Ngày 31/12/2025	9,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.5%	**-**	**7.5%**

DT thuần
Q4/25
193
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 54.0| 39.0%
YoY: ▲ 84.0| 77.3%

LN thuần
Q4/25
7.90
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.09| 64.3%
YoY: ▲ 8.97| 839%

LN sau thuế
Q4/25
5.90
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.72| 41.3%
YoY: ▲ 7.80| 411%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
7.3%
YoY: +/-▼ 1.9%

ROE
2025
2.4%
YoY: +/-▲ 1.0%

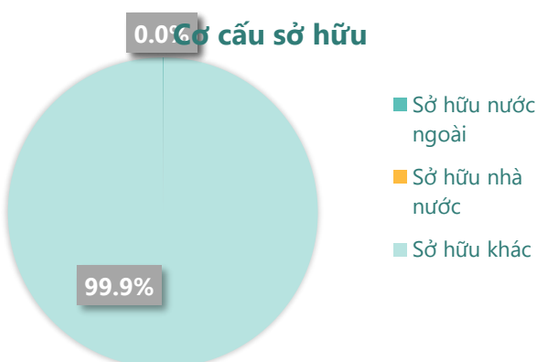
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,460 - 12,730
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	913
Số lượng CPLH (CP)	96,090,556
KLGD BQ 20 phiên (CP)	222,255
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	1.62
EPS	264
P/E	35.9

DT thuần
2025
533
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 239| 81.4%

LN thuần
2025
28.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.70| 52.1%

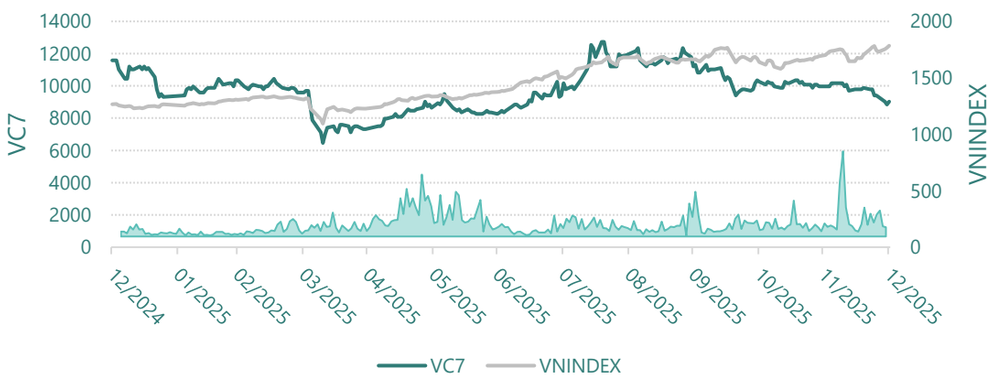
LN sau thuế
2025
22.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.40| 49.4%

Cơ cấu sở hữu

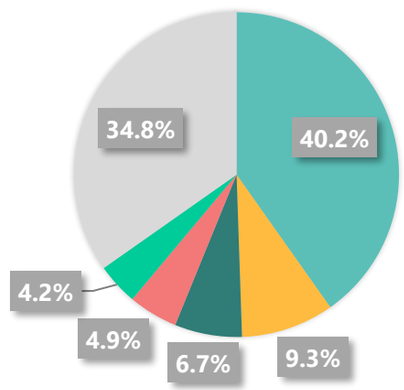


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



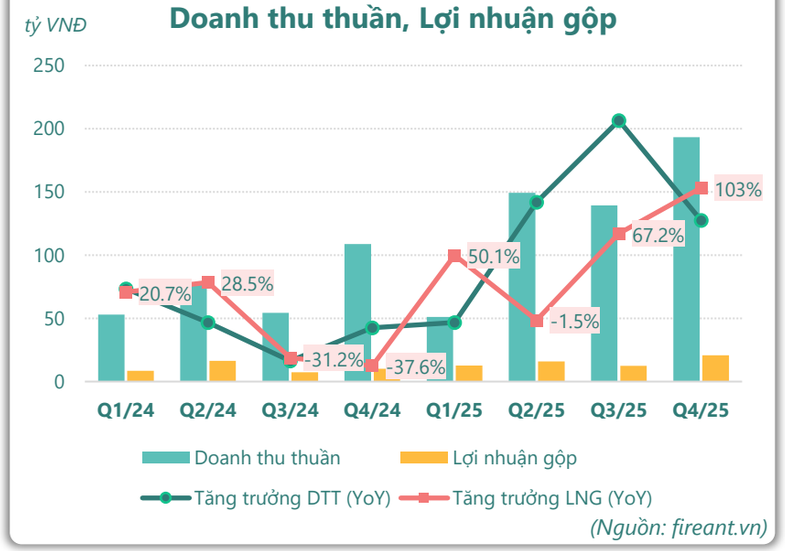
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

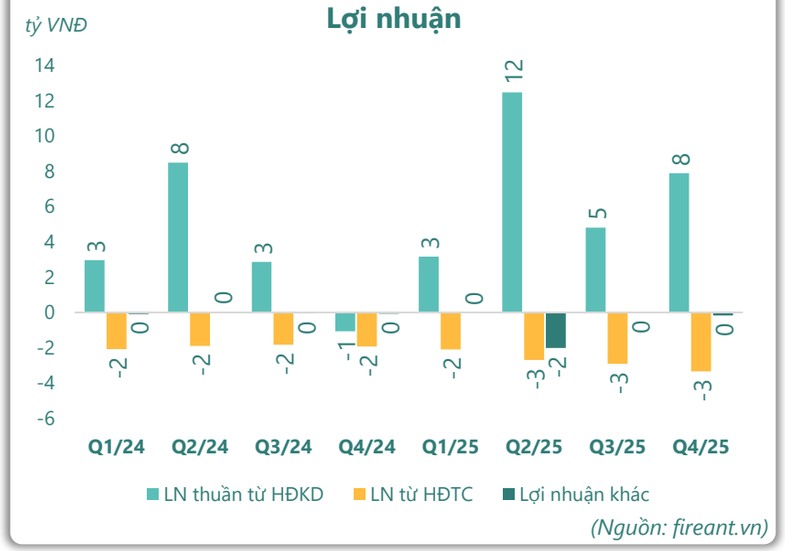
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



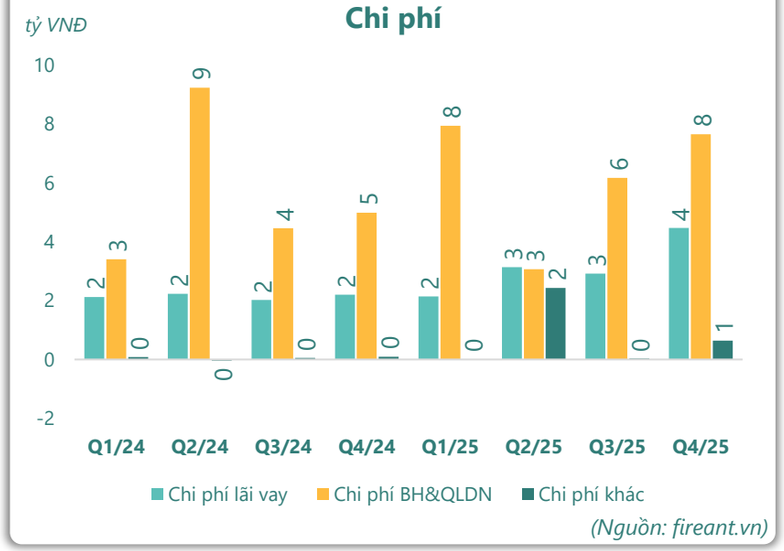
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



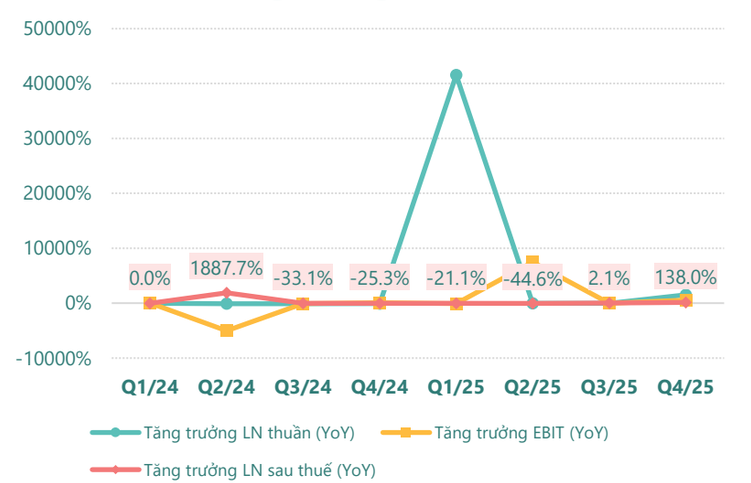
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



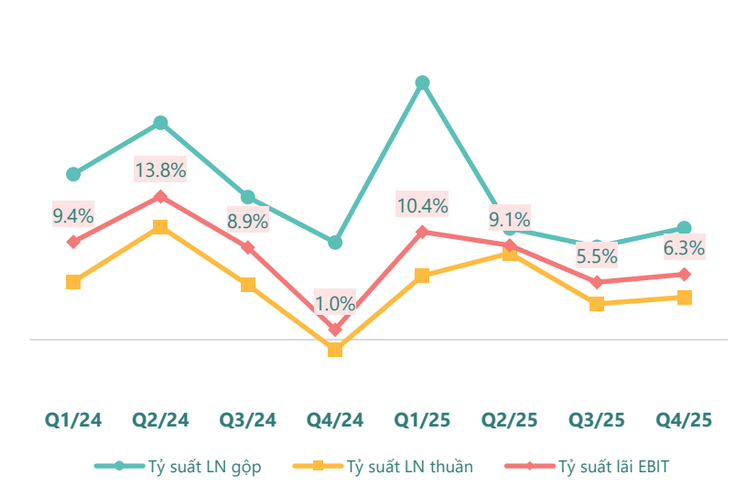
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



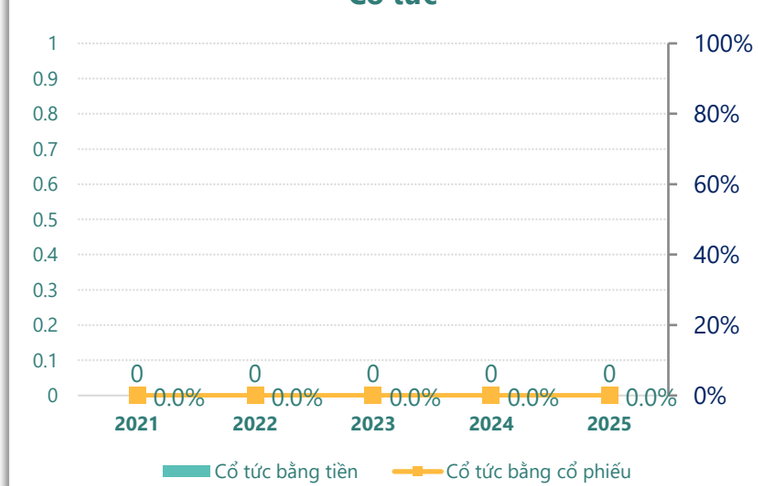
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

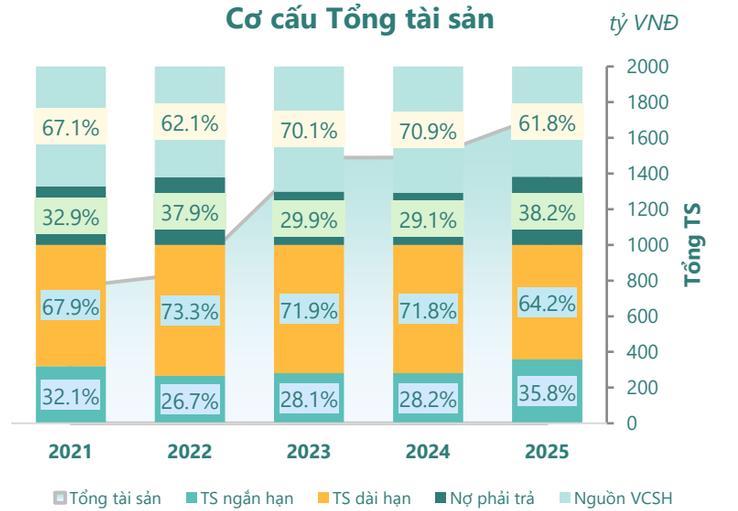
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

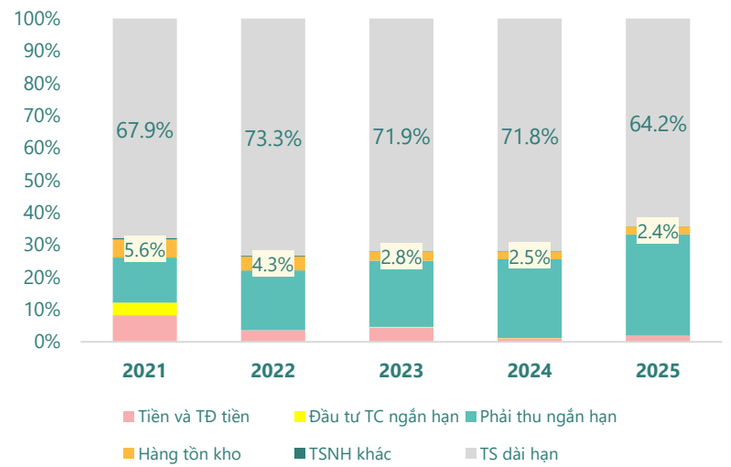
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



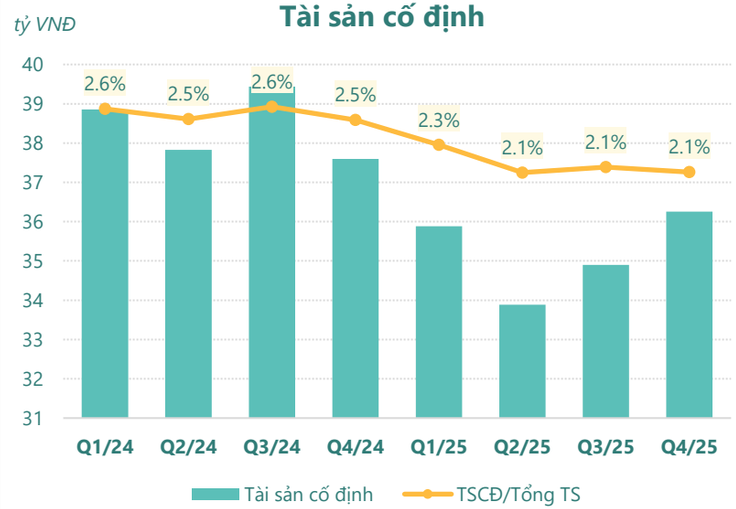
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



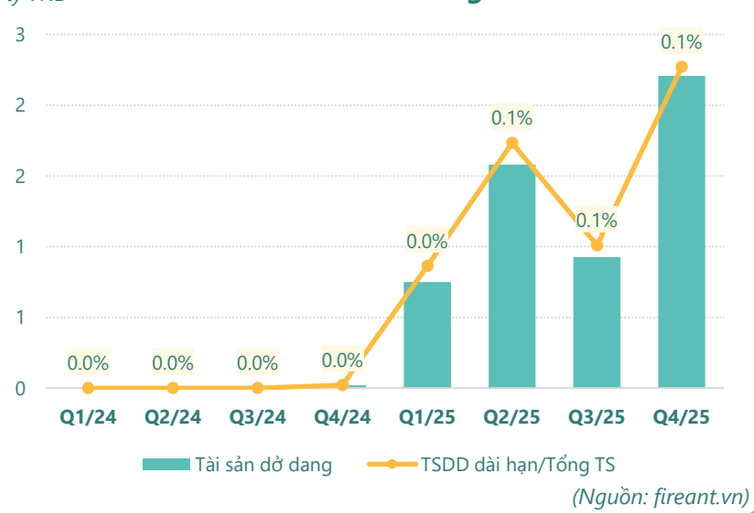
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



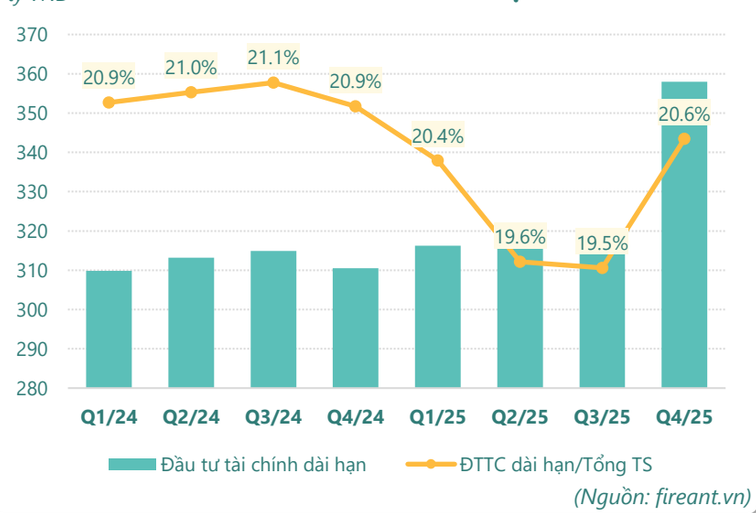
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



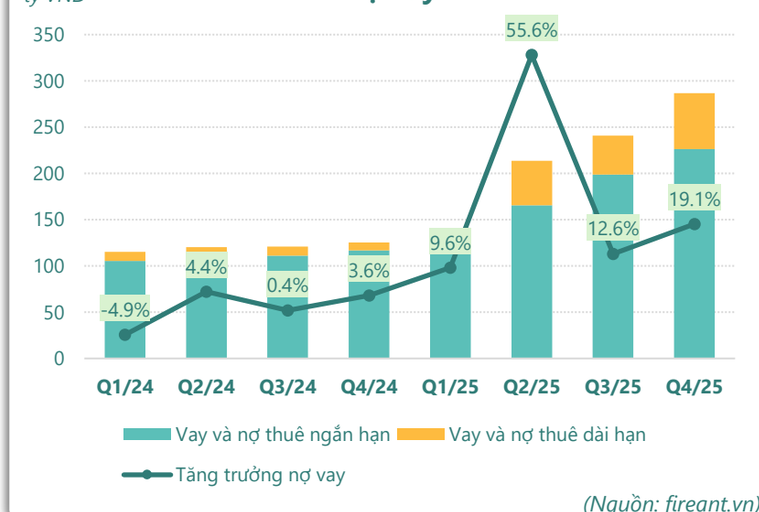
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

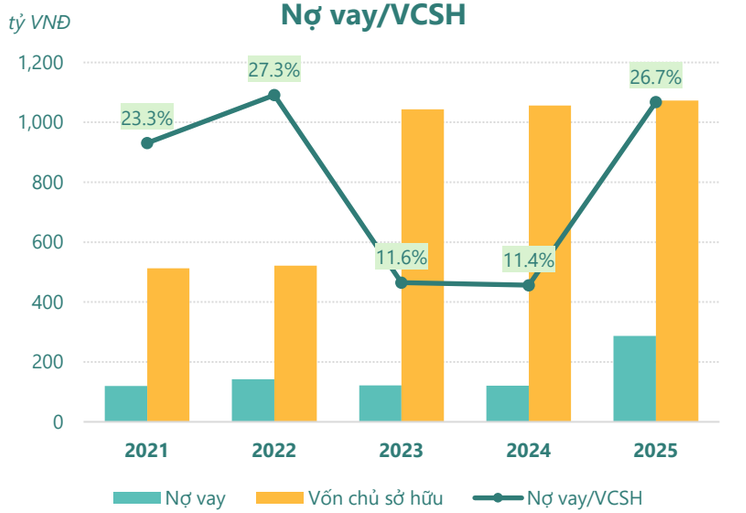
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

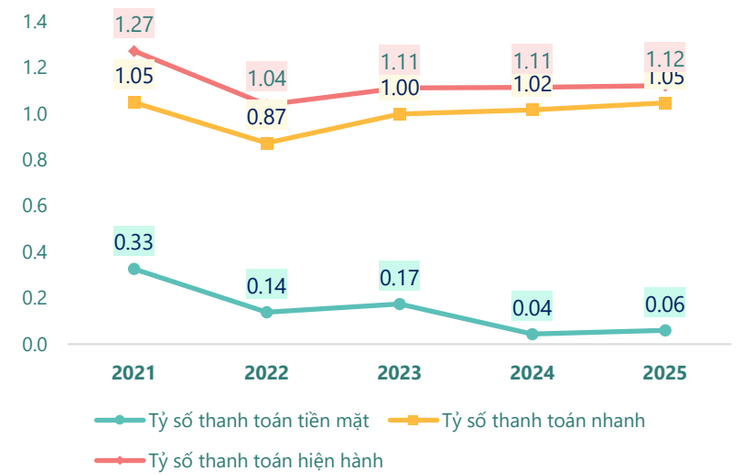
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



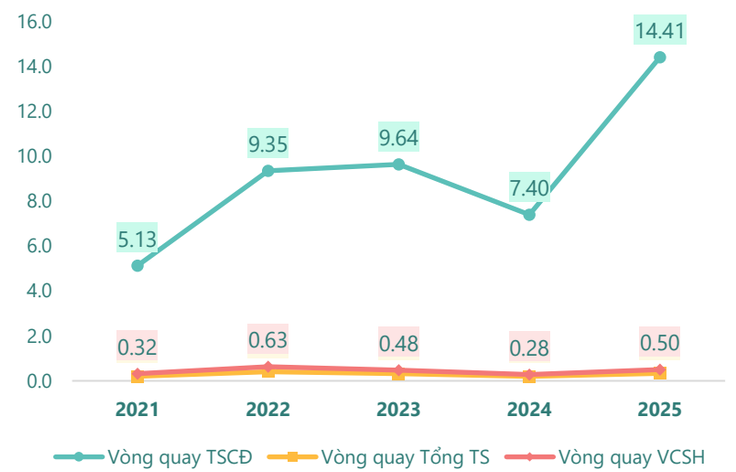
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



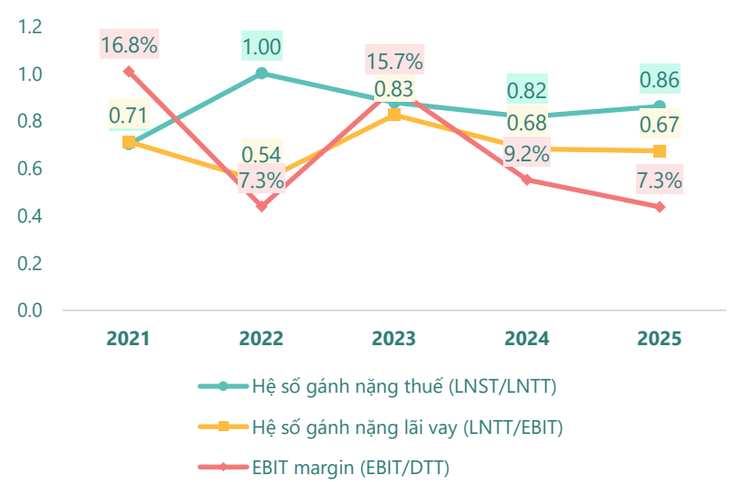
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



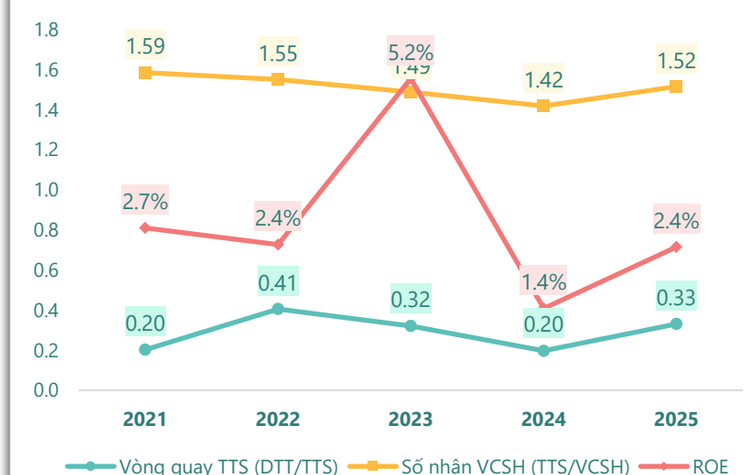
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



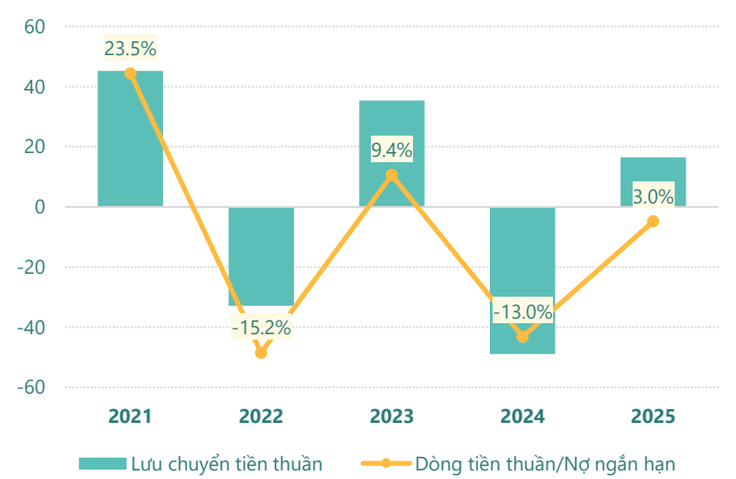
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**193**	**109**	**77.3%**	**533**	**294**	**81.4%**
Giá vốn hàng bán	172	98.7	74.8%	471	250	88.4%
Lợi nhuận gộp	20.8	10.2	104%	62.0	43.9	41.2%
Doanh thu HĐTC	0.72	0.27	167%	1.23	0.83	48.1%
Chi phí TC	4.06	2.20	84.6%	12.3	8.58	43.0%
Chi phí lãi vay	4.47	2.20	103%	12.7	8.58	47.8%
LN trong công ty LKLD	**-1.88**	**-4.38**	**57.0%**	**2.23**	**5.86**	**-61.9%**
Chi phí bán hàng	1.05	0.49	113%	2.98	2.63	13.1%
Chi phí QLDN	**6.61**	**4.50**	**47.0%**	**21.9**	**20.8**	**5.4%**
LN thuần từ HĐKD	7.90	-1.07	839%	28.3	18.6	52.1%
Lợi nhuận khác	**-0.18**	**-0.07**	**-150%**	**-2.20**	**-0.17**	**-1184%**
LN trước thuế	7.73	-1.14	778%	26.2	18.5	41.6%
Lợi nhuận sau thuế	**5.90**	**-1.90**	**411%**	**22.5**	**15.1**	**49.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**7.12**	**-1.78**	**500%**	**25.4**	**14.3**	**77.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.16	-9.41	-11.2	-72.7	-25.3	13.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.81	18.4	-0.51	-20.8	19.2	-41.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.47	-0.80	4.83	88.4	15.4	47.5
Tiền đầu kỳ	14.0	4.82	16.6	9.65	4.61	13.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-9.18**	**8.14**	**-6.91**	**-5.04**	**9.32**	**19.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.82	13.0	9.65	4.61	13.9	33.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,736**	**1,490**	**16.5%**
Tài sản ngắn hạn	621	419	48.1%
Tiền và tương đương tiền	33.0	16.6	99.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.48	-100%
Phải thu ngắn hạn	544	363	49.6%
Hàng tồn kho	41.8	36.9	13.2%
Tài sản ngắn hạn khác	2.66	2.04	30.2%
Tài sản dài hạn	**1,115**	**1,070**	**4.2%**
Phải thu dài hạn	680	680	0.0%
Tài sản cố định	36.3	37.8	-4.0%
Bất động sản đầu tư	34.3	36.6	-6.2%
Tài sản dở dang	2.21	0.02	11706%
Đầu tư tài chính dài hạn	358	316	13.4%
Tài sản dài hạn khác	**3.95**	**0.24**	**1580%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	663	434	52.8%
Nợ ngắn hạn	**554**	**376**	**47.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	226	112	102%
Phải trả người bán ngắn hạn	97.5	65.9	48.0%
Nợ dài hạn	109	57.6	89.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	60.3	8.64	598%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,073**	**1,056**	**1.6%**
Vốn chủ sở hữu	**1,073**	**1,056**	**1.6%**
Vốn điều lệ	961	961	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)